

Bản án số: 07/2018/HNGĐ – PT

Ngày: 07- 02 - 2018

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Phạm Thị Minh Hiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang .

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 2 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2017/TLPT- HNGĐ ngày 22/11/2017.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 108/2017/ HNGĐ - ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2017/QĐ - PT ngày 13 tháng 12 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2017/QĐ-PT ngày 28/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐ-PT ngày 24/01/2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Dương Đăng H2, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

3.2. Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

3.3. Anh Nguyễn Năng H3, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

3.4. Chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

3.5. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3.6. Anh Trần Trung T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ : Xóm NX, xã TH, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3.7. Anh Trần Văn S1, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ : xã A, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

3.8. Chị Hoàng Thị H4, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ : xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

3.9. Ông Dương Đăng K1, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Địa chỉ : Xóm H, Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3.10. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện L Bắc Giang - Phòng giao dịch S. Do bà Nguyễn Thị N2 – Sinh năm 1966, Giám đốc phòng giao dịch S đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt).

3.11. UBND xã LM, huyện L. Do ông Đào Quang D1, cán bộ địa chính xã đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt).

4. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Hoàng Thị H1 trình bày: Chị và Anh Dương Đăng H2 có đăng ký kết hôn năm 1994 tại UBND xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài. Đến khoảng năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên hay cãi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị xin ly hôn anh H2.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 2 con chung là Dương Văn Q1, sinh năm 1997 và Dương Thị L3, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị, các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và nay đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện chị đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 thửa đất, diện tích 1000m² và nhà cấp 4 ba gian trên đất tại Xóm H, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Đăng H2. Nguồn gốc đất là do bố mẹ chồng chị là Ông Dương Đăng K1 và bà Thân Thị X1 cho vợ chồng chị từ khoảng năm 1998 và 01 thửa đất diện tích 200m² và tài sản là nhà 2 tầng trên đất tại khu ĐN, xóm G, xã LM, huyện L. Nguồn gốc đất là do vợ chồng chị mua khoảng năm 2007, nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá nhà, đất theo kết luận Hội đồng định giá là 914.599.000 đồng chị không có ý kiến gì.

Nay chị xin rút yêu cầu chia tài sản là 01 thửa đất, diện tích 1000m² và nhà cấp 4 ba gian trên đất tại Xóm H, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang chị chỉ đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là 01 thửa đất diện tích 200m² và tài

sản là nhà 2 tầng trên đất tại khu ĐN, xóm G, xã LM, huyện L. Chị xin được nhận toàn bộ nhà đất để mẹ con chị có chỗ ở vì hiện nay ngoài nhà, đất này mẹ con chị không có chỗ ở nào khác.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị nợ những người sau:

- Nợ Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1966, trú tại Xóm G, Thôn LH, xã LM, huyện L là anh trai tôi số tiền 100.000.000 đồng.

- Nợ Chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1957, trú tại Thôn LH, xã LM, huyện L, là chị gái tôi số tiền 70.000.000 đồng.

- Nợ anh Trần Văn Tá, sinh năm 1982, trú quán ở Xóm NX, xã TH, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 90.000.000 đồng.

- Nợ Anh Trần Văn S1, sinh năm 1978, trú tại Xóm Êm, xã A, huyện LG, tỉnh Bắc Giang 04 chỉ vàng = 14.000.000 đồng

- Nợ Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960, Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang 05 chỉ vàng = 17.500.000 đồng và 6.000.000 đồng. Tổng 23.500.000 đồng.

- Nợ Chị Hoàng Thị H4, sinh năm 1969, trú tại xóm Ông, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang số tiền 45.000.000 đồng.

- Nợ Chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1963, trú tại Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang, số tiền 10.000.000 đồng.

- Nợ Anh Nguyễn Năng H3, sinh năm 1976, trú tại Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang 02 vạn gạch = 20.000.000 đồng.

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn, Phòng giao dịch phố Sàn, xã PS, huyện L, tỉnh Bắc Giang, số tiền 100.000.000 đồng. Tổng nợ 474.850.000 đồng.

Tại các lời khai, bị đơn Anh Dương Đăng H2 trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị H1 trình bày là đúng. Nay chị H1 xin ly hôn anh nhất trí.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị H1 trình bày là đúng. Hiện nay các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng anh có tài sản chung là 01 thửa đất diện tích 200m² và tài sản là nhà 2 tầng trên đất tại khu ĐN, xóm G, xã LM, huyện L. Nguồn gốc đất là do vợ chồng anh mua khoảng năm 2010, nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá theo kết luận Hội đồng định giá là 914.599.000 đồng, anh không có ý kiến gì. Nay anh đề nghị chia đôi tài sản mỗi người một nửa.

Về nợ: Anh thừa nhận vợ chồng có nợ như chị H1 trình bày là đúng, anh đề nghị mỗi người trả ½ số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Chị Hoàng Thị H4 trình bày:

Ngày 06/8/2016 chị có cho anh H2 chị H1 vay số tiền 45 triệu đồng, nay chị đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả chị số tiền gốc trên.

Anh Trần Văn S1 trình bày: Khoảng tháng 3/2015 anh có cho anh H2, chị H1 vay 04 chỉ vàng = 14 triệu đồng, nay anh đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả anh.

Chị Hoàng Thị L1 trình bày: Khoảng tháng 8/2016 chị đã cho anh H2, chị H1 vay 70.000.000 đồng để làm nhà ở, không tính lãi suất. Nay đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả chị số tiền trên.

Chị Hoàng Thị M1 trình bày: Tháng 5/2015 chị đã cho anh H2, chị H1 vay 10.000.000 đồng để làm nhà ở, không tính lãi suất. Nay đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả chị số tiền trên.

Anh Trần Trung T1 trình bày: Khoảng năm 2015 anh đã cho anh H2, chị H1 vay số tiền 90.000.000 đồng và hẹn đến tháng 6/2017 thì trả tôi. Nay anh đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả anh số tiền trên.

Anh Hoàng Văn N1 trình bày: Khoảng tháng 5/2015 anh có vay Ngân hàng để vay cho anh H2, chị H1 số tiền 02 đợt là 100.000.000 đồng, nay anh đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả anh số tiền trên.

Chị Nguyễn Thị L2 trình bày: Khoảng năm 2015 chị đã cho anh H2, chị H1 vay 05 chỉ vàng = 17.500.000 đồng và 6 triệu đồng, tổng 23.500.000 đ để làm nhà ở, không tính lãi suất. Nay đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả chị số tiền trên.

Anh Nguyễn Năng H3 trình bày: Khoảng năm 2015 anh đã bán cho anh H2, chị H1 02 vạn gạch = 20.000.000 đồng. Nay anh đề nghị anh H2, chị H1 phải thanh toán trả anh số tiền trên.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện L Bắc Giang - Phòng giao dịch S. Do bà Nguyễn Thị N2, Giám đốc phòng giao dịch S đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 24/9/2015 Phòng giao dịch S đã ký hợp đồng tín dụng số 2510LAV251007159 với Anh Dương Đăng H2 và Chị Hoàng Thị H1 theo đó Ngân hàng cho Chị H1, anh H2 vay số tiền 100.000.000 đồng để mua trâu và xây vảnh lao. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh H2, chị H1 thanh toán trả Ngân hàng tiền gốc 100 triệu đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử 2.350.000 đồng Tổng là 102.350.000 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án chị H1 yêu cầu giải quyết tài sản 01 thửa đất, diện tích 1000m2 và nhà cấp 4 ba gian trên đất tại Xóm H, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc đất là của Ông Dương Đăng K1 và bà Thân Thị X1 (đã chết) nên Tòa án xác định ông K1 tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng ngày 11/9/2017 chị H1 rút yêu cầu chia tài sản là nhà, đất này nên ông K1 không còn là người có quyền lợi liên quan trong vụ án.

UBND xã LM do ông Đào Quang D1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Về nguồn gốc diện tích thửa đất 200m2 hộ Chị Hoàng Thị H1 và Anh Dương Đăng H2 đang sử dụng tại khu ĐN, xóm G, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang là do năm

2007 được sự nhất trí của xã LM và của UBND huyện L Thôn LH có quy hoạch phân lô giao đất cho dân có thu tiền nên năm 2007 gia đình chị H1, anh H2 có mua của 01 thửa đất 200m² tại khu ĐN, xóm G, xã LM với giá 21.600.000 đồng, đất thuộc diện đã được UBND huyện L phê duyệt chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở. Sau khi mua đến năm 2015 gia đình chị H1, anh H2 đã xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất, nhưng đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do thôn bán đất không theo đúng phương án giao đất của UBND xã và UBND huyện, không đúng sơ đồ phân lô, có những lô thu tiền nhưng không nộp vào Ngân sách, tự đền bù, tự bán nên hộ chị H1, anh H2 là hộ mua bán hợp pháp nhưng vẫn chưa được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay UBND xã LM vẫn đang tiếp tục đề nghị UBND huyện L giải quyết dứt điểm tồn đọng tại xã để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Thửa đất của hộ chị H1, anh H2 không thuộc diện không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà thuộc diện được giao cho dân và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay quan điểm của UBND xã là hộ chị H1, anh H2 mua bán hợp pháp nên được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong cả quá trình tố tụng, đảm bảo đúng quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, 33, 38, 39, 59, 61 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271, 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Chị Hoàng Thị H1 và anh Dương Đăng H2.

Về chia tài sản: Tạm giao cho Chị Hoàng Thị H1 sử dụng một 01 thửa đất diện tích 200m² tại khu ĐN, Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất là nhà 2 tầng; nhà bếp; tường cay; mái tôn; hàng rào; cổng sắt; sân gạch có tổng giá trị 914.599.000 đồng tại khu ĐN, Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị H1 có trách nhiệm trả số nợ chung của vợ chồng 474.500.850 đồng. Cụ thể: Trả Anh Hoàng Văn N1 100.000.000 đồng; Chị Hoàng Thị L1 70.000.000 đồng; anh Trần Văn Tá 90.000.000 đồng; Anh Trần Văn S1 04 chỉ vàng = 14.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị L2 05 chỉ vàng = 17.500.000 đồng và 6 triệu, tổng 23.500.000 đồng; Chị Hoàng Thị H4 45.000.000 đồng; Chị Hoàng Thị M1 10.000.000 đồng; Anh Nguyễn Năng H3; 02 vạn gạch = 20.000.000 đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Huyện L, Bắc Giang, Phòng giao dịch S, xã PS, huyện L, số tiền gốc 100.000.000 đồng tiền, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 2.350.000 đồng và lãi phát sinh. Chị H1 có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh H2 219.874.500 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình số 108/2017/HNGĐ-ST ngày 02/10/2017 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Áp dụng Điều 55, Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 59, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 100 Luật đất đai Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. *Quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Hoàng Thị H1 và Anh Dương Đăng H2.

2. *Về chia tài sản*: Tạm giao cho Chị Hoàng Thị H1 sử dụng thửa đất diện tích 200m², có các cạnh 1-2 là 25m, 2-3 là 8m, 3-4 là 25m, 4-1 là 8m và toàn bộ tài sản trên đất gồm: nhà 2 tầng, nhà bếp, tường cay, mái tôn, hàng rào, cổng sắt, sân gạch. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 914.599.000 đồng tại khu ĐN, Thôn LH, xã LM, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có sơ đồ kèm theo).

Chị H1 có trách nhiệm trả số nợ chung của vợ chồng gồm:

Trả Anh Hoàng Văn N1 100.000.000 đồng; Chị Hoàng Thị L1 70.000.000 đồng; anh Trần Văn Tá 90.000.000 đồng; Anh Trần Văn S1 04 chỉ vàng = 14.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị L2 05 chỉ vàng = 17.500.000 đồng và 6 triệu, tổng 23.500.000 đồng; Chị Hoàng Thị H4 45.000.000 đồng; Chị Hoàng Thị M1 10.000.000 đồng; Anh Nguyễn Năng H3; 02 vạn gạch = 20.000.000 đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện L Bắc Giang - Phòng giao dịch S, xã PS, huyện L, tỉnh Bắc Giang, số tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 2.350.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi phát sinh kể từ ngày 03/10/2017 theo hợp đồng đã ký, tổng số nợ chung là 474.850.000 đồng.

Chị H1 có trách nhiệm trích chia cho anh H2 219.874.500 đồng tiền chênh lệch tài sản.

Chị H1 chịu cả 4.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

3. *Án phí*: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 10.993.725 tiền án phí chia tài sản, tổng số tiền án phí chị H1 phải chịu là 11.293.725 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.300.000 đồng chị H1 đã nộp tại biên lai thu số 000722 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả chị H1 1.006.275 đồng.

Anh H2 phải chịu 10.993.725 đồng án phí chia tài sản.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi có Bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo.

Ngày 01/11/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang kháng nghị bản án số 108/2017/HNGĐ-ST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 296 BLTTDS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị số 23/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/11/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự xử sửa Bản án sơ thẩm số 108/2017/HNGĐ-ST ngày 02/10/2017 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Buộc Chị Hoàng Thị H1, Anh Dương Đăng H2 mỗi người phải chịu 11.497.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ và viện dẫn đúng điều luật được áp dụng để giải quyết vụ án. Các nội dung khác giữ nguyên như án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều không kháng cáo, các đương sự liên quan đến kháng nghị được triệu tập nhưng đều xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ quy định tại 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Xét kháng nghị số 23/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/11/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng quy định của pháp luật quyết định nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự thấy:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn Chị Hoàng Thị H1 đều yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ chung của vợ chồng gồm:

- Nợ Anh Hoàng Văn N1 số tiền 100.000.000 đồng.
- Nợ Chị Hoàng Thị L1 số tiền 70.000.000 đồng.
- Nợ Anh Trần Trung T1 số tiền 90.000.000 đồng.
- Nợ Anh Trần Văn S1 04 chỉ vàng = 14.000.000 đồng.
- Nợ Chị Nguyễn Thị L2 05 chỉ vàng = 17.500.000 đồng và 6.000.000 đồng, tổng tiền mặt là 23.500.000 đồng.
- Nợ Chị Hoàng Thị H4 số tiền 45.000.000 đồng.
- Nợ Chị Hoàng Thị M1 số tiền 10.000.000 đồng.
- Nợ Anh Nguyễn Năng H3 02 vại gạch = 20.000.000 đồng.
- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn, Phòng giao dịch S, xã PS, huyện L, tỉnh Bắc Giang, số tiền 100.000.000 đồng gốc và 2.350.000 đồng tiền lãi.

Tổng số tiền nợ của vợ chồng chị H1, anh H2 là 474.850.000 đồng. Đối với yêu cầu này, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho chị H1 nộp tạm ứng án phí, chị H1 cũng đã nộp án phí theo quy định (Bút lục 23,24). Do vậy, việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng yêu cầu vợ chồng chị H1, anh H2 phải thanh toán các khoản nợ trên được coi là ý kiến của người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu của nguyên đơn mà không phải là yêu cầu độc lập. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này nộp tạm ứng án phí là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về vấn đề này là không đúng nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc anh H2, chị H1 phải chịu án phí trả nợ thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng Chị Hoàng Thị H1, Anh Dương Đăng H2 có nợ chung tổng số là 474.850.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho Chị Hoàng Thị H1 trả toàn bộ số nợ chung này. Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị H1, anh H2 mỗi người phải chịu một nửa án phí đối với nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc đương sự nào phải chịu án phí trả nợ là thiếu sót. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa bản án sơ thẩm về việc buộc Chị Hoàng Thị H1, Anh Dương Đăng H2 mỗi người phải chịu một nửa án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ này. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc buộc anh H2, chị H1 mỗi người phải chịu một nửa án phí trả nợ theo quy định.

[4] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết về quan hệ vay tài sản nhưng tại phần quyết định, Bản án sơ thẩm lại không viện dẫn các điều luật làm căn cứ áp dụng để giải quyết vụ án là không đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự nên phần kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên; căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng nghị số 23/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/11/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Áp dụng Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; điểm d khoản 1 Điều 11; khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: Sửa bản án sơ thẩm.

* Về phần án phí dân sự sơ thẩm:

1. Buộc Chị Hoàng Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 10.993.725 (Mười triệu chín trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí chia tài sản; 11.497.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí trả nợ. Tổng số tiền án phí chị H1 phải chịu là 22.790.725 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.300.000 đồng Chị Hoàng Thị H1 đã nộp tại biên lai thu số 000722 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện L. Chị Hoàng Thị H1 còn phải nộp thêm 10.490.725 đồng (mười triệu bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm hai mươi năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Buộc Anh Dương Đăng H2 phải chịu 10.993.725 (Mười triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) án phí chia tài sản và 11.497.000 đồng (mười một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí trả nợ. Tổng số tiền án phí anh H2 phải chịu là 22.490.725 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu H/s – Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Như Hiến